

Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ

*Hung Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

### **VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2020/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 2 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị L T N; Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm P Đ 1, xã H T, huyện H N, tỉnh Nghệ An (Nay là xóm Phúc Điền, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An).

Bị đơn: Anh H S T; Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Xóm P Đ 1, xã H T, huyện H N, tỉnh Nghệ An (Nay là xóm Phúc Điền, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An).

Căn cứ vào Điều 28, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020.

### **XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị L T N và anh H S T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:  
\* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L T N và anh H S T thuận tình ly hôn.

\* *Về con chung*: Chị L T N và anh H S T thỏa thuận: Giao con chung là H T N L; Sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007 và H N H; sinh ngày 06 tháng 7 năm 2012 cho chị L T N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Anh H S T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng). Trong đó cấp dưỡng nuôi cháu H T N L; Sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007 mỗi tháng 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2020 đến khi cháu H T N L thành niên, đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi cháu H N H; sinh ngày 06 tháng 7 năm 2012 mỗi tháng 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2020 đến khi cháu H N H thành niên, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp anh H S T lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì chị L T N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Tài.

Trong trường hợp chị L T N không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì anh H S T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và phải tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* *Về tài sản chung*: Chị L T N và anh H S T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* *Về Các khoản nợ*: Chị L T N và anh H S T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* *Về án phí*: Chị L T N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Nhà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0007346 ngày 04 tháng 2 năm 2020(chị Nhà đã nộp đủ). Trả lại cho chị L T N 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc anh H S T phải nộp 150.000 đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Hưng Nguyên;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Hưng Nguyên;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS,VP./.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN**  
**Thẩm phán**

**Lâm Quốc Tú**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

**BIÊN BẢN**  
**GIAO NHẬN QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày    tháng    năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Tôi là: Lê Thị Oanh; Chức vụ: Cán bộ Tòa án.

Đã giao Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Cho người nhận là: .....

.....  
.....  
.....

Là đương sự trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

Biên bản giao nhận kết thúc vào hồi ... giờ ...phút, ngày    tháng    năm  
2019

**BÊN GIAO**

**BÊN NHẬN**